

Bản án số: 10/2017/KDTM-ST
Ngày: 27/7/2017.
V/v: “Tranh chấp kinh
doanh thương mại về hợp
đồng gia công”.

NHÂN DANH
NUỐC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LA GI, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đăng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Bảy – Ông Phan Vũ Anh Kiệt

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Võ Chí Công – Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã La Gi xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 09/2016/TLST-KDTM ngày 30 tháng 11 năm 2016, về việc: “Tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại hợp đồng gia công” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2017/QĐXXST-KDTM ngày 21 tháng 6 năm 2017, và Thông báo hoãn phiên tòa số: 02/TB-TA, ngày 07 tháng 7 năm 2017, giữa các bên đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH một thành viên thương mại – xây dựng L T.

Trụ sở đặt tại: Ấp Tam H, xã Xuân H, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện pháp luật: Ông Lê Hữu C, sinh năm 1964 - Giám đốc Công ty.

Địa chỉ: Ấp Tam H, xã Xuân H, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Công ty TNHH xây dựng thương mại H Đ.

Trụ sở đặt tại: K D C Nguyễn Thái H, P. Tân A, TX. L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện pháp luật: Ông Tạ Văn G, sinh năm 1972 - Giám đốc Công ty.

Địa chỉ: Nguyễn Thái H, P. Tân A, TX. L, tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã L

Trụ sở đặt tại: P. Tân A, TX. L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện pháp luật: Ông Hoàng Công K – Phó Giám đốc phụ trách.

(Tại phiên tòa hôm nay có mặt các bên đương sự, riêng Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã L vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 10 năm 2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Công ty TNHH một thành viên thương mại – xây dựng L T trình bày: Vào ngày 15/11/2014 Công ty TNHH một thành viên thương mại – xây dựng L T (gọi tắt là Công ty L T) và Công ty TNHH xây dựng – thương mại H Đ (gọi tắt là Công ty H Đ) có ký kết với nhau hợp đồng thi công xây lắp công trình. Cụ thể, Công ty H Đ cung cấp vật tư cho Công ty L T thi công hệ thống mương thoát nước; hồ ga và rãnh thu nước tại công trình khu dân cư H D 2, phường Tân A, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Theo thỏa thuận hợp đồng thời gian hoàn thành công trình 75 ngày (khởi công ngày 17/11/2014, hoàn thành ngày 02/02/2015) nhưng thực tế khoảng 4 - 5 tháng sau công trình mới hoàn tất, lý do hai bên đều có lỗi trong việc thực hiện hợp đồng dẫn đến công trình kéo dài, chẳng hạn: Công ty H Đ không cung cấp đủ vật tư; phát sinh thêm bờ kè che chắn (ngoài hợp đồng), Công ty L T có một số sai sót nhỏ trong khâu kỹ thuật, vì Công ty H Đ không cung cấp đủ vật tư nên Công ty L T ngưng thi công một thời gian. Những vướng mắc này hai bên đều biết và thông cảm nên không bắt lỗi mà cùng thỏa thuận thống nhất thực hiện cho đến khi hoàn tất công trình. Vì công trình đã thực hiện hoàn tất nên hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng, có lập biên bản thanh lý. Biên bản này do Công ty L T lập nhưng được Công ty H Đ kiểm tra đối chiếu điều chỉnh nội dung, Công ty L T không để ý việc biên bản không ghi thời gian nhưng thực tế ngày 10/6/2016 hai bên chốt công nợ thanh lý. Số tiền hai bên thống nhất thanh lý hợp đồng là 762.360.000 đồng, Công ty H Đ đã thanh toán 531.350.000 đồng, số tiền còn lại hai bên thỏa thuận khi nào Công ty L T xuất đầy đủ hóa đơn đồ thì Công ty H Đ sẽ thanh toán. Sau khi xuất đủ hóa đơn chứng từ, Công ty Lộc Tiền nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng Công ty H Đ trả lời chưa có tiền, rồi hứa hẹn, chây ì không chịu thanh toán. Việc Công ty H Đ không thanh toán số tiền còn lại làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty L T cũng như ảnh hưởng đến quyền lợi của anh em công nhân trong Công ty. Việc thanh lý hợp đồng là có thật và đây là ý chí của hai bên nên Công ty L T đề nghị

căn cứ vào biên bản thanh lý để giải quyết. Nay Công ty L T yêu cầu Công ty H Đ thanh toán số tiền 231.010.000 đồng, đồng thời yêu cầu tính lãi suất do chậm thanh toán theo quy định của Nhà nước kể từ ngày 30/11/2016 (ngày Tòa án thụ lý vụ án) đến khi xét xử xong.

Bị đơn Công ty TNHH xây dựng thương mại H Đ trình bày:

Công ty H Đ thừa nhận có việc giao kết hợp đồng thi công xây lắp, lập biên bản thanh lý, số tiền chưa thanh toán và việc xuất đủ hóa đơn đúng như phía Công ty L T trình bày.

Mặc dù Công ty L T thi công xong công trình nhưng trong quá trình thực hiện Công ty L T vi phạm hợp đồng giao kết. Theo hợp đồng thời gian hoàn thành công trình là ngày 02/02/2015 nhưng thực tế đến ngày 22/9/2016 công trình mới hoàn tất và nghiệm thu, tức là vi phạm thời gian hoàn thành công trình. Ngoài ra thi công có một số hạng mục nhỏ không đạt chất lượng, không đúng thiết kế, không thực hiện việc phối hợp với giám sát chủ đầu tư lập nhật ký công trình; không lập biên bản nghiệm thu vật tư; không lấy mẫu thử nghiệm trước khi đưa vào sử dụng và nghiệm thu các hạng mục trước khi triển khai công việc tiếp theo; không lập hồ sơ khối lượng xây lắp hoàn thành và hoàn công theo đúng tiêu chuẩn xây dựng. Công ty H Đ nhắc nhở nhiều lần thì Công ty L T mới chịu khắc phục những hạng mục chưa đảm bảo, còn một số hạng mục Công ty L T không khắc phục thì Công ty H Đ tự khắc phục thực hiện. Những vi phạm của Công ty L T được thể hiện trong các Công văn của Chủ đầu tư Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã L. Tuy nhiên, vì tình cảm và mục đích để hoàn thành hợp đồng giao kết nên Công ty H Đ đồng ý cho Công ty L T kéo dài thêm tiến độ thi công nhằm khắc phục các hạng mục chưa đảm bảo để công trình được nghiệm thu.

Việc lập biên bản thanh lý là do phía công ty L T vi phạm hợp đồng, có yêu cầu thanh lý, và còn để hợp thức hóa trong việc xuất hóa đơn công trình, thuận lợi trong việc thanh tra kiểm tra của Công ty L T. Biên bản thanh lý do Công ty L T lập nhưng hai bên thỏa thuận bằng lời nói là biên bản có giá trị khi công trình hoàn tất, khối lượng thanh toán cụ thể và có điền ngày tháng năm. Công ty H Đ cho rằng biên bản thanh lý không có thời gian nên không có giá trị pháp lý.

Lý do Công ty H Đ chưa thanh toán số tiền còn lại cho công ty L T là vì hai bên chưa thống nhất được khối lượng công việc, không xác định được số tiền cụ thể bao nhiêu. Nay việc Công ty L T khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền còn lại là Công ty H Đ không đồng ý. Công ty H Đ chỉ đồng ý thanh toán khi hai bên đối chiếu thống nhất khối lượng công việc tính ra con số cụ thể giá trị bao nhiêu sau đó

trừ đi khối lượng công việc mà công ty L T không thực hiện, còn lại bao nhiêu phía công ty H Đ sẽ thanh toán.

Tại phiên tòa hôm nay, Công ty H Đ thừa nhận việc ký kết giao lại cho nhà thầu phụ (Công ty L T) thực hiện phần việc tại dự án khu dân cư H D 2 là sai.

Quá trình giải quyết người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã L thể hiện: Vào ngày 02/12/2013 Trung Tâm phát triển quỹ đất thị xã L có ký kết với Công ty H Đ hợp đồng thi công xây dựng Dự án khu dân cư H D 2, phường Tân A, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, trong đó Trung Tâm phát triển quỹ đất thị xã L làm chủ đầu tư, Công ty H Đ là bên nhận thầu (không có nhà thầu phụ). Theo hợp đồng Công ty H Đ phải thực hiện toàn bộ các phần việc: Đường giao thông; San nền; Kè chắn đất; Cấp nước; Thoát nước; Cấp điện hạ thế; Cấp điện trung thế và trạm biến áp Dự án khu dân cư H D 2. Công ty H Đ không được quyền ký kết lại (giao lại) cho thầu phụ thực hiện một phần việc của Công ty H Đ.

Tại phiên tòa hôm nay Trung Tâm phát triển quỹ đất thị xã L có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án. Qua nghiên cứu xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa hôm nay, xét thấy việc nguyên đơn khởi kiện là hoàn toàn có cơ sở. Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty H Đ thanh toán cho Công ty L T số tiền 231.010.000 đồng, về yêu cầu lãi suất chậm thanh toán đề nghị tính đúng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, lời phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã L có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

2. Về quan hệ pháp luật: Vào ngày 15/11/2014 Công ty L T và Công ty H Đ có ký kết với nhau hợp đồng thi công xây lắp công trình. Cụ thể, Công ty H Đ cung cấp vật tư cho Công ty L T thi công hệ thống mương thoát nước; hố ga và

rãnh thu nước tại công trình khu dân cư H D 2, phường Tân A, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Như vậy tranh chấp giữa các bên là tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng gia công được qui định tại Điều 178, 179 Luật thương mại 2005.

3. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn HDXX xét thấy:

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là biên bản thanh lý hợp đồng, mặc dù biên bản thanh lý không ghi ngày, tháng năm thanh lý nhưng việc hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng là có thật, quá trình làm việc và tại phiên tòa hôm nay hai bên thừa nhận xác định chữ ký con dấu trong biên bản thanh lý là do người đại diện hợp pháp của pháp nhân ký tên đóng dấu xác nhận.

Bị đơn trình bày việc lập biên bản thanh lý là do phía công ty L T vi phạm hợp đồng, có yêu cầu thanh lý, và còn để hợp thức hóa trong việc xuất hóa đơn công trình, thuận lợi trong việc thanh tra kiểm tra của Công ty L T là không có cơ sở. Bởi vì lý do mà bị đơn đưa ra mâu thuẫn với nội dung tại Điều 1 và Điều 2 trong biên bản thanh lý (bên B thực hiện thi công xây lắp cho bên A như quy định của hợp đồng; bên B đã thực hiện đúng như hợp đồng). Và ngoài lời trình bày thì bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ hợp pháp.

Bị đơn cho rằng lý do chưa thanh toán số tiền còn lại là do hai bên chưa chốt được khối lượng công việc, chưa xác định được con số cụ thể giá trị công trình đã thực hiện là bao nhiêu nên chưa thể thanh toán cho nguyên đơn là không đúng. Bởi nếu chưa tính toán được khối lượng công việc thì không lý do gì hai bên tiến hành xác nhận con số 762.360.000 đồng theo trong biên bản thanh lý.

Ngoài ra, bị đơn còn trình bày Công ty L T thi công có một số hạng mục nhỏ không đạt chất lượng, không đúng thiết kế, không thực hiện việc phối hợp với giám sát chủ đầu tư lập nhật ký công trình.....; Công ty L T còn vi phạm tiến độ thi công, những vi phạm này được thể hiện trong các Công văn của Chủ đầu tư Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã L. Tuy nhiên, những vi phạm trên phía Công ty H Đ không có lập biên bản vi phạm để làm vi bằng về sau, hơn nữa tại biên bản lấy lời khai bổ sung (bl số 35) và tại phiên tòa hôm nay, Công ty H Đ trình bày vì chỗ tình cảm và mục đích để hai bên hoàn thành hợp đồng giao kết nên phía Công ty H Đ đồng ý cho Công ty L T kéo dài thêm tiến độ thi công nhằm khắc phục các hạng mục chưa đảm bảo để công trình được nghiệm thu, Công ty L T cũng thừa nhận có việc thỏa thuận kéo dài thời hạn thi công. Như vậy, việc Công ty H Đ chấp thuận cho Công ty L T kéo dài tiến độ thi công so với thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng thì đây được xem là một thỏa thuận mới phát sinh giữa hai bên, và quá trình thi

công còn phát sinh thêm hạng mục ngoài hợp đồng là bờ kè che chắn (Công ty H Đ thừa nhận sự việc trên), do đó điều này không thể cho rằng Công ty L T có lỗi trong việc thi công công trình. Những công văn của Trung tâm phát triển quỹ đất L là công văn trao đổi, nhắc việc, phúc đáp qua lại giữa chủ đầu tư và bên nhận thầu, còn Công ty L T không liên quan đến nội dung trong những công văn này. Mặt khác, phía Trung Tâm phát triển quỹ đất thị xã L khẳng định theo hợp đồng 2 bên giao kết thì Công ty H Đ không có quyền ký kết lại (giao lại) cho thầu phụ thực hiện và tại phiên tòa hôm nay Công ty H Đ cũng thừa nhận sự việc vi phạm trên.

Theo khoản 2, khoản 3 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định: “Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”. “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

Từ những nhận định trên cho thấy việc Công ty L T khởi kiện yêu cầu Công ty H Đ thanh toán số tiền 231.010.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ để chấp nhận vì đây chính là khoản thù lao gia công mà Công ty H Đ còn chưa thanh toán cho Công ty L T.

Từ khi thanh lý hợp đồng đến nay Công ty H Đ chưa thanh toán số tiền còn lại cho Công ty L T, nay Công ty L T yêu cầu Công ty H Đ trả tiền lãi suất do chậm thanh toán theo quy định của Nhà nước trên số tiền nợ gốc 231.010.000 đồng kể từ ngày 30/11/2016 đến ngày xét xử xong là hoàn toàn có căn cứ để chấp nhận.

Theo Điều 306 Luật Thương mại 2005 quy định: Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Theo Công văn số 123/NHNo-BTh-LG ngày 28/6/2017 của Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam chi nhánh thị xã L thì lãi suất nợ quá hạn hiện nay trên thị trường là 13,5%/năm (1,125%/tháng).

Theo Công văn số 254/2017/CNBTN-TH, ngày 27/6/2017 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh B T thì lãi suất nợ quá hạn hiện nay trên thị trường: 14,25%/năm (1,1875%/tháng).

Như vậy, lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm hiện nay là: $(1,125\%/tháng + 1,1875\%/tháng) \times 2 = 1,3125\%/tháng$.

Từ ngày 30/11/2016 đến ngày xét xử (27/7/2017) gồm 7 tháng 27 ngày.

⇒ $231.010.000 \text{ đồng} \times 1,3125\%/tháng \times 7 \text{ tháng } 27 \text{ ngày} = \mathbf{21.063.000 \text{ đồng}}$.

⇒ Tổng nợ gốc + lãi: $231.010.000 \text{ đồng} + \mathbf{21.063.000 \text{ đồng}} = \mathbf{252.073.000 \text{ đồng}}$.

Do đó, Công ty H Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty L T tổng số tiền gốc và lãi là: **252.073.000 đồng**.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, khoản 3 Điều 91, khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Điều 178, 179, 306 Luật thương mại 2005;

- Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009;

- Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH một thành viên thương mại – xây dựng L T.

Buộc Công ty TNHH xây dựng thương mại H Đ thanh toán cho Công ty TNHH một thành viên thương mại – xây dựng L T số tiền nợ gốc và lãi suất **252.073.000 đồng** (Hai trăm năm mươi hai triệu không trăm bảy mươi ba ngàn đồng).

2/ Án phí: Công ty TNHH xây dựng thương mại H Đ phải chịu **12.603.000 đồng** án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH một thành viên thương mại – xây dựng L T **8.528.000 đồng** tạm ứng án phí đã thu theo biên lai số: 0010010 ngày 28/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã La Gi.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật bên được thi hành án làm đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường 1,156%/tháng tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

Trường hợp bản án có hiệu lực được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 đã sửa đổi bổ sung và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bên đương sự, báo cho các bên đương sự biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, riêng Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã La Gi được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi đặt trụ sở.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS thị xã La Gi;
- THA thị xã La Gi;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

BÙI ĐĂNG

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LA GI
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày tháng năm 2017

Tại: Trụ sở TAND thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Đăng
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Tiến hành nghị án vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 09/2016/TLST-KDTM ngày 30 tháng 11 năm 2016, về việc: “Tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại hợp đồng gia công”, giữa:

Nguyên đơn: Công ty TNHH một thành viên thương mại – xây dựng L T.

Trụ sở đặt tại: Ấp Tam Hiệp, xã Xuân Hiệp, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện pháp luật: Ông Lê Hữu Chương, sinh năm 1964 - Giám đốc Công ty.

Địa chỉ: Ấp Tam Hiệp, xã Xuân Hiệp, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Công ty TNHH xây dựng thương mại H Đ.

Trụ sở đặt tại: N31-N32 Khu Dân Cư Nguyễn Thái Học, P. Tân An, TX. La Gi, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện pháp luật: Ông Tạ Văn Giang, sinh năm 1972 - Giám đốc Công ty.

Địa chỉ: 68 Nguyễn Thái Học, P. Tân An, TX. La Gi, tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã La Gi

Trụ sở đặt tại: P. Tân An, TX. La Gi, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện pháp luật: Ông Hoàng Công Kim – P.GĐ phụ trách.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của những người tham gia tố tụng, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, HĐXX thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

Ý kiến của Hội thẩm : Qua tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng với lời khai quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoàn toàn có cơ sở chấp nhận. => Đề nghị:

+ Về Điều luật áp dụng:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, khoản 3 Điều 91, khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Điều 178, 179, 306 Luật thương mại 2005;

- Điều 357, 468 Bộ Luật dân sự 2015;

- Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009;

- Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012.

- Buộc Công ty TNHH xây dựng thương mại H Đ thanh toán số tiền nợ gốc và lãi suất **252.073.000 đồng** (Hai trăm năm mươi hai triệu không trăm bảy mươi ba ngàn đồng) cho Công ty TNHH một thành viên thương mại – xây dựng L T.

+ **Ý kiến Hội thẩm**: Như ý kiến của của Hội thẩm.....

+ **Ý kiến Chủ tọa:** Như ý kiến của 2 Hội thẩm.

⇒ **Biểu quyết:** 3/3 nhất trí.

Về các vấn đề khác:

- Ý kiến của Hội thẩm

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Án phí: Công ty TNHH xây dựng thương mại H Đ phải chịu **12.603.000 đồng** án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH một thành viên thương mại – xây dựng L T **8.528.000 đồng** tạm ứng án phí đã thu theo biên lai số: 0010010 ngày 28/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã La Gi.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật bên được thi hành án làm đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất chậm trả 10%/năm tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

Trường hợp bản án có hiệu lực được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 đã sửa đổi bổ sung và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bên đương sự, báo cho các bên đương sự biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

+ **Ý kiến Hội thẩm**: Như ý kiến của của Hội thẩm

+ **Ý kiến Chủ tọa:** Như ý kiến của 2 Hội thẩm.

⇒ Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

